TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA
TỔ SỬ- ĐỊA- GDKT&PL

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ I, MÔN GDKT&PL KHỐI 12
NĂM HỌC 2026– 2027

- Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm
- Thời gian làm bài: 45 phút
- Nội dung kiểm tra:

CHỦ ĐỀ 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
BÀI 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:

* **Khái niệm:** Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về quy mô sản lượng của nền kinh tế trong một thời kì nhất định (so với thời kì gốc cần so sánh).

Tăng trưởng kinh tế được đo bằng mức tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hay tổng thu nhập quốc dân (GNI) trong một thời gian nhất định (thường là một năm) và cả về quy mô và tốc độ gia tăng.

* **Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:**

- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)

+**GDP** là giá trị bằng tiền(theo giá cả thị trường) của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng.được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong một thời kì nhất định (thường là một năm).

+ GDP là thước đo sản lượng quốc gia (giá trị tạo ra ở trong nước), đánh giá mức độ hoạt động của nền kinh tế, phản ánh năng lực của nền kinh tế trong việc thoả mãn nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

- Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người)

+ GDP/ người là tổng sản phẩm quốc nội của quốc gia trong năm chia cho dân số trung bình trong năm tương ứng.

+ **GDP/người** là thước đo mức sống người dân của một quốc gia, chỉ tiêu này chỉ phản ánh thước đo tương đối vì chất lượng cuộc sống tùy thuộc vào phương thức phân phối thu nhập, điều kiện tiếp cận hàng hóa dịch vụ của người dân.

- Tổng thu nhập quốc dân (GNI)

+ GNI là tổng thu nhập từ hàng hoá, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra(bao gồm cả ở trong và ngoài lãnh thổ quốc gia) trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

+ GNI là thước đo về thu nhập của nền kinh tế trong một thời kì nhất định, thể hiện đầy đủ hơn sự tăng trưởng về quy mô của nền kinh tế so với chỉ tiêu GDP (vì có tính thêm yếu tố ngoài lãnh thổ quốc gia).

- Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người)

Là thước đo trung bình mức thu nhập một người dân trong quốc gia thu được trong năm, được tính bằng cách chia tổng thu nhập quốc dân trong năm cho dân số trung bình của năm tương ứng.

b. Vai trò của tăng trưởng kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần thiết để khắc phục tình trạng đói nghèo, lạc hậu, tạo điều kiện để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hoá, giáo dục, thể thao,... góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân;

- Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh, quốc phòng, nâng cao vai trò quản lí của Nhà nước, vị thế của quốc gia.

- Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

2. Phát triển kinh tế

a. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế

***Khái niệm:** Phát triển kinh tế là sự lớn lên về quy mô cùng với những thay đổi về cấu trúc nền kinh tế, mang lại những chuyển biến tích cực về xã hội thể hiện ở sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội

***Các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế** bao gồm:

-Tăng trưởng kinh tế: Sự gia tăng GDP, GNI, GDP/người, GNI/người.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực: tỉ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP **tăng lên**, tỉ trọng của ngành nông nghiệp **giảm đi**.

- Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI: tuổi thọ, chỉ số giáo dục, thu nhập) tăng, chỉ số đói nghèo, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini) giảm.

Chỉ tiêu về **tiến bộ xã hội:**

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng, Chỉ số đói nghèo

Chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập(Gini) giảm.

(+ Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng, đo lường tiến bộ về y tế, giáo dục và thu nhập, phản ánh chất lượng cuộc sống và tiến bộ xã hội.

+ Chỉ số đói nghèo: Đo lường mức độ nghèo đói và khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản của người dân như việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh, thông tin.

+ Chỉ số bất bình đẳng xã hội: Phản ánh tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini), đo lường mức độ chênh lệch về thu nhập giữa các nhóm dân cư. Hệ số càng cao, bất bình đẳng thu nhập càng lớn.)

*** Mối quan hệ tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế**:

- Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế có quan hệ **mật thiết với nhau**.

-Tăng trưởng kinh tế chỉ là sự thay đổi về lượng của một nền kinh tế, là điều kiện tiền đề cho phát triển kinh tế nhưng không phải chỉ cần tăng trưởng kinh tế là đã đạt được phát

triển kinh tế. (VD: Tăng trưởng kinh tế mà môi trường bị huỷ hoại, khoảng cách giàu nghèo quá lớn thì đó chưa phải là phát triển)

- Phát triển kinh tế có phạm vi rộng lớn, toàn diện hơn bao hàm cả tăng trưởng kinh tế lẫn chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội. Trên cơ sở những kết quả đạt được về phát triển kinh tế, quốc gia luôn hướng tới mục tiêu tiến bộ xã hội, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

b. Vai trò của phát triển kinh tế.

Phát triển kinh tế có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi quốc gia:

-Với những tác động từ kết quả tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững, phát triển kinh tế đảm bảo những tiền đề vật chất cần thiết cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hoá, giáo dục, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao sức mạnh và sự thịnh vượng của quốc gia.

- Phát triển kinh tế với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực góp phần nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh, vững chắc cho nền kinh tế.

- Đảm bảo tiến bộ xã hội, phát triển kinh tế không chỉ tạo điều kiện vật chất mà còn tạo điều kiện đảm bảo thực hiện tiến bộ xã hội như xây dựng thể chế kinh tế tiến bộ, nâng cao năng lực tổ chức quản lý của nhà nước, thự hiện phân phối công bằng, hợp lí…

- Phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với nước đang phát triển như Việt Nam.

3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp hợp lí, hài hoà giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

- Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững có quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Tăng trưởng kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững, điều kiện tiên quyết để thực hiện phát triển bền vững, điều kiện vật chất để nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế không hợp lí có thể tạo ra những tác động tiêu cực, cản trở tiến trình phát triển bền vững của quốc gia.

- Phát triển bền vững với những yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng cùng với thực hiện các chính sách phát triển xã hội tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

CHỦ ĐỀ 2: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

BÀI 2: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế

***Khái niệm:** Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

***Sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế**

- Trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan với mọi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư.

- Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm quản lí, ... tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến, khắc phục nguy cơ tụt hậu.

2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế

** Xét về cấp độ hội nhập: Có 3 cấp độ*

- Hội nhập kinh tế song phương: Là sự liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau nhằm thiết lập và phát triển quan hệ giữa hai bên, góp phần thúc đẩy thương mại, liên kết đầu tư, đem lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp hai nước.

VD: VD: Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Nhật Bản).hiệp định thương mại tự do, đầu tư trực tiếp nước ngoài….

- Hội nhập kinh tế khu vực: Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế,...

VD: Việt Nam đã chủ động tham gia các hình thức hội nhập kinh tế khu vực như: Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu,....

- Hội nhập kinh tế toàn cầu: Là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu.

VD: Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu như Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quỹ tiền tệ Quốc tế,...

** Xét theo mức độ liên kết hội nhập (thấp đến cao theo dựa trên sự tham gia của mỗi quốc gia): Gồm 5 mức*

Thoả thuận thương mại ưu đãi (PTA) là phương thức thấp nhất của hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng có lịch sử hình thành lâu đời nhất. Theo phương thức này, các quốc gia/vùng lãnh thổ tham gia các thoả thuận/hiệp định, cam kết dành cho nhau các ưu đãi về thuế thuế quan, phí thuế quan đối với hàng hoá của nhau tạo thành ưu đãi thương mại.

Hiệp định thương mại tự do (FTA) là thoả thuận giữa các bên tham gia nhằm xoá bỏ hầu hết hàng rào thuế quan và phi thuế quan nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan riêng của mỗi bên đối với các nước ngoài hiệp định.

Liên minh thuế quan là hình thức xoá bỏ thuế quan và những rào cản phi thuế quan đối với hàng hoá, dịch vụ trong quan hệ buôn bán với các nước thành viên, đồng thời, thiết lập và áp dụng một biểu thuế quan chung của các nước thành viên với các nước khác.

Thị trường chung được thành lập bởi các quốc gia trong cùng khu vực địa lí để thúc đẩy tự do thương mại, tự do di chuyển lao động và vốn giữa các thành viên.

Liên minh kinh tế là hình thức hội nhập sâu rộng nhất, các bên tham gia hình thành thị trường chung, đồng thời xây dựng chính sách kinh tế và tài khóa chung, thực hiện những mục tiêu chung cho toàn liên minh.

* Xét về các hình thức hoạt động kinh tế đối ngoại của một quốc gia: Gồm 3 hoạt động:

- Thương mại quốc tế: Là những hoạt động trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu, thương mại quốc tế kích thích tiêu dùng, mở rộng sản xuất, chuyển giao công nghệ và đầu tư giữa các quốc gia, nhờ đó, tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thể hiện kết quả hội nhập của mỗi quốc gia. *VD: VN xuất khẩu gạo, sầu riêng ra thế giới).*

- Đầu tư quốc tế: Là quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, đầu tư quốc tế giúp tăng cường nguồn vốn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lí tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... cho nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam. (*VD: Tập đoàn Samsung xây dựng nhà máy ở Thái Nguyên*)

- Các dịch vụ thu ngoại tệ: Dịch vụ thu ngoại tệ bao gồm các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, xuất nhập khẩu lao động, thanh toán và tín dụng,... có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế. Một số hoạt động còn góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như du lịch, thông tin liên lạc,...) *VD: Hơn 600.000 lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài gửi kiều hối về nước)*

3. Đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

- Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong suốt quá trình đổi mới, phát triển đất nước. Quan điểm định hướng là chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, sâu rộng, sử dụng linh hoạt, hiệu quả nhiều hình thức hội nhập kinh tể quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế.

- Một số chính sách nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế: Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính; Cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài; Gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện các địa phương chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế;...

CHỦ ĐỀ 3: BẢO HIỂM VÀ AN SINH XÃ HỘI
BÀI 3: BẢO HIỂM

1. Bảo hiểm và một số loại hình bảo hiểm

*** Khái niệm:** Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra.

(**Bản chất:** Lấy số đông bù đắp cho số ít. (Góp tiền vào một quỹ chung, ai gặp rủi ro thì lấy từ quỹ đó ra hỗ trợ).

*** Một số loại hình bảo hiểm:**

- *Bảo hiểm xã hội:* là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người tham gia bảo hiểm xã hội khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, khi nghỉ hưu hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội hoặc do ngân sách nhà nước bảo đảm.

+***Bảo hiểm xã hội bắt buộc****:* là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải tham gia.

+ ***Bảo hiểm xã hội tự nguyện****:* là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà công dân Việt Nam tự nguyện tham gia và được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình. Hưởng chế độ hưu trí và tử tuất và thai sản (BHXH 2025)

- *Bảo hiểm y tế**:* là loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ cộng đồng do Nhà nước thực hiện; theo đó, người tham gia bảo hiểm sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khoẻ nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật.

+ ***Bảo hiểm y tế bắt buộc****:* là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế để chăm sóc sức khoẻ, không vì mục đích lợi nhuận, do Nhà nước tổ chức thực hiện.

+ ***Bảo hiểm y tế tự nguyện****:* là hình thức bảo hiểm do Nhà nước cung cấp, áp dụng đối với những người không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc.

- *Bảo hiểm thất nghiệp**:*** là sự bảo đảm được bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm trên cơ sở đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

- *Bảo hiểm thương mại:* Là hoạt động của tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để tổ chức bảo hiểm bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm đã được hai bên kí kết.

+ ***Bảo hiểm tài sản****:* là hình thức bảo hiểm mà đối tượng của nó là tài sản nhằm bồi thường thiệt hại cho người được bảo hiểm khi xảy ra rủi ro gây tổn thất cho tài sản như mất cắp, cháy nổ, đâm va, hỏng hóc do thiên tai,...

+ Bảo hiểm con người: là hình thức bảo hiểm mà đối tượng bảo hiểm là sức khoẻ, thân thể và tính mạng của con người như ốm đau, bệnh tật, tai nạn, thương tật, bệnh hiểm nghèo,...

+ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự: là trách nhiệm hay nghĩa vụ bồi thường. Thông thường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự được thực hiện dưới hình thức bắt buộc như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm hàng hoá, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm nông nghiệp,...

2. Vai trò của bảo hiểm

- Về kinh tế: góp phần chuyển giao rủi ro, là một kênh huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

- Về xã hội: giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người; góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội; góp phần tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

BÀI 4: AN SINH XÃ HỘI

1. An sinh xã hội và một số chính sách an sinh xã hội cơ bản

*** Khái niệm:** An sinh xã hội là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

*** Một số chính sách an sinh xã hội cơ bản**:

- Chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo*:* Hỗ trợ người lao động nâng cao cơ hội tìm việc làm cho người lao động để có thu nhập, từng bước đảm bảo thu nhập tối thiểu cho người dân, đặc biệt người nghèo, thanh niên lao động nông thôn và các nhóm lao động dễ bị tổn thương khác cải thiện cuộc sống, góp phần chuyển đổi cơ cấu việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp, xoá đói giảm nghèo và ổn định xã hội.

- Chính sách bảo hiểm xã hội: Hỗ trợ người dân phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro khi bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, tai nạn lao động, hết tuổi lao động, gồm các chính sách bảo hiểm xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp…

- Chính sách trợ giúp xã hội: Trợ cấp thường xuyên cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, dễ bị tổn thương như (người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật,...) và trợ cấp xã hộiđột xuất cho người dân gặp rủi ro (thiên tai, dịch bệnh,...) để họ ổn định cuộc sống.

- *Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản*: Đảm bảo cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin… đặc biệt người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Vai trò của an sinh xã hội

**** Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội****:* được hỗ trợ giải quyết việc làm; tăng thu nhập cho người yếu thế; được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin,...

**** Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội:*** giúp nâng cao hiệu quả quản lí xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống theo vùng, các nhóm dân cư đồng thời góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

-----HẾT--------